

**BÁO CÁO TÓM TẮT
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2016 - 2020**

**Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015**

Bước vào kế hoạch 5 năm 2011-2015, bên cạnh những thuận lợi cơ bản và phát huy những thành tựu của giai đoạn trước, tỉnh Bình Phước vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như lạm phát và lãi suất ngân hàng tăng cao; thiên tai, dịch bệnh, giá cả các mặt hàng chủ lực của tỉnh giảm sâu, gây thiệt hại cho sản xuất kinh doanh, cùng với ảnh hưởng tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm.

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, nhiều chỉ tiêu chủ yếu, trọng tâm của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 đã đạt và vượt kế hoạch đề ra, tạo tiền đề cho giai đoạn tiếp theo phát triển nhanh, bền vững.

I. Kết quả thực hiện cụ thể trên các ngành, lĩnh vực

1. Lĩnh vực kinh tế

Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm GRDP (giá so sánh 1994) của tỉnh giai đoạn 2011-2015 ước đạt 10,8% (theo giá cố định năm 2010 tăng là 6,9%). Quy mô nền kinh tế tăng 1,67 lần so với năm 2010. Thu nhập bình quân đầu người dự kiến đến hết năm 2015 đạt 39,8 triệu đồng, tương đương 2.097 USD (Nghị quyết Đảng bộ tỉnh đề ra là 1.900 - 2.000 USD). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Đề án tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh đã và đang được các cấp, các ngành triển khai. Hầu hết các khu vực kinh tế đều có bước phát triển, quy mô được mở rộng, hiệu quả được nâng lên, kết quả cụ thể trên một số ngành, lĩnh vực chủ yếu như sau:

1.1. Ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản:

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (giá cố định năm 1994) bình quân năm tăng 6,2% (Nghị quyết tăng 5-6%). Tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được triển khai bước đầu.

Diện tích gieo trồng luôn đạt kế hoạch đề ra. Đã hình thành các vùng chuyên canh lớn về cây công nghiệp. Chăn nuôi tiếp tục tăng trưởng, trong đó chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức trang trại, tập trung, công nghiệp đang có chiều hướng phát triển tốt. Công tác thú y luôn được chú trọng. Công tác quản

lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản được các ngành chức năng quan tâm thường xuyên, tuy nhiên tình trạng vi phạm còn khá phức tạp.

Chương trình xây dựng nông thôn mới luôn được tập trung chỉ đạo và thực hiện. Đến nay, toàn tỉnh có 03 xã đạt 19/19 tiêu chí, có 12 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, có 41 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí, 36 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí, không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí. Bình quân số tiêu chí đạt được trong toàn tỉnh là 10,16 tiêu chí.

1.2. Công nghiệp - xây dựng:

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định năm 1994) tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 dự kiến là 15,98%. Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2015 tăng 2,1 lần so với năm 2010.

1.3. Thương mại - dịch vụ:

Ngành dịch vụ cũng có những chuyển biến tích cực, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 của khu vực dịch vụ là 12,53%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn tỉnh tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 20,1%. So với năm 2010 giá trị sản xuất của ngành đến năm 2015 tăng 1,84 lần, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 2,49 lần. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, giá cả được thực hiện thường xuyên.

Hoạt động xuất, nhập khẩu: Đến năm 2015 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 1,1 tỷ USD (Nghị quyết Đại hội Đảng 01 tỷ USD), bình quân tăng hàng năm trong giai đoạn 2011-2015 là 16,9%/năm, đạt mục tiêu đề ra, tăng gấp 2,19 lần so với năm 2010. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 285 triệu USD, tăng bình quân trong giai đoạn là 19,9%/năm (theo Nghị quyết Đại hội Đảng là 280 triệu USD).

1.4. Thu, chi ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách đến năm 2015 ước đạt 3.570 tỷ đồng, tăng gấp 1,5 lần so với đầu giai đoạn (theo Nghị quyết Đại hội Đảng là 3.400 tỷ đồng). Chi ngân sách đặc biệt là chi cho đầu tư phát triển, chi an sinh xã hội cơ bản được quan tâm, kỷ luật ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện khá nghiêm túc.

Tín dụng và ngân hàng tiếp tục có bước phát triển, giai đoạn 2011-2015, huy động vốn có mức tăng bình quân 18,48%. Tăng trưởng bình quân dư nợ tín dụng là 22,10%.

1.5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước thực hiện 5 năm 2011-2015 đạt khoảng 65.000 tỷ đồng (Nghị quyết tỉnh Đảng bộ khoảng 55.000-55.500 tỷ đồng).

Các nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu đầu tư trọng tâm là đầu tư công theo Đề án tái cơ cấu kinh tế của tỉnh đã và đang được thực hiện theo đúng quy định. Các quy định pháp luật mới về đầu tư công đã được triển khai thực hiện

nên quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn ngân sách nhà nước được tăng cường, số nợ đọng XDCB qua từng năm giảm đáng kể.

1.6. Về phát triển doanh nghiệp và đổi mới doanh nghiệp:

Môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh nên số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới không ngừng tăng cao, trong 5 năm 2011-2015 tốc độ tăng trưởng bình quân về số doanh nghiệp là 9,8%/năm. Số doanh nghiệp hoạt động (kể cả số thành lập mới) ước tính đến cuối năm 2015 là 4.550 doanh nghiệp.

Doanh nghiệp FDI: Năm 2010 có 81 dự án, tổng vốn đăng ký: 638,53 triệu USD, đến nay có 132 dự án, tổng vốn đăng ký: 1.087,026 triệu USD; về số dự án tăng 51 dự án, số vốn đăng ký tăng 448,496 triệu USD so với năm 2010.

Quá trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn 2011-2015 đã và đang được thực hiện theo đúng lộ trình, quy định.

2. Văn hóa - xã hội

2.1. Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao, tỷ lệ đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt từ chuẩn trở lên là 99,6%. Đến nay 100% số xã vùng sâu, vùng xa đều có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo. Toàn tỉnh hiện có 111/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (năm 2010-2011 là 63/111), 109/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; tỷ lệ trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt 20,5%.

2.2. Khoa học công nghệ:

Đã triển khai các cơ chế, chính sách thuận lợi cho phát triển khoa học và công nghệ ở địa phương. Nhiều đề tài (khoảng 60 đề tài) nghiên cứu đã được triển khai ứng dụng trong thực tế. Công tác hỗ trợ thực thi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được chú trọng, đến nay có 110 sở hữu trí tuệ được cấp văn bằng bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ.

2.3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Mạng lưới y tế tuyến tỉnh, huyện, xã được củng cố, nâng cấp và xây dựng mới, trang thiết bị từng bước được hiện đại. Đã tập trung chỉ đạo có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, công tác phòng, chống dịch bệnh. Kết quả đạt được các chỉ tiêu như: Số giường bệnh/vạn dân đến năm 2015 ước đạt 25 giường bệnh; số bác sỹ/vạn dân đến năm 2015 ước đạt 6,5 bác sỹ; tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế theo chuẩn mới ước đến năm 2015 đạt 60%. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các chỉ tiêu về dân số kế hoạch hóa gia đình cơ bản đều đạt kế hoạch. Mức giảm tỷ lệ sinh dự kiến đến năm 2015 là 0,4‰. Đến năm 2015 tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90%.

2.4. Về lao động, giải quyết việc làm thực hiện chính sách an sinh xã hội:

Giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015 trên 173.000 lao động (trong đó xuất khẩu lao động 420 người); đào tạo nghề cho hơn 39.000 lao động, trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn khoảng 48%. Duy trì tỷ lệ thất nghiệp

thành thị dưới 3,5%. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa đối với những gia đình, đối tượng có công luôn được toàn xã hội, các ngành, các cấp quan tâm. Các Chương trình hành động vì trẻ em, công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ... đã có nhiều chuyển biến tích cực.

2.5. *Công tác giảm nghèo*: Dự kiến đến năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo còn 2,5%. Các chính sách giảm nghèo được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

2.6. *Văn hóa, thể dục thể thao và thông tin truyền thông*:

Mạng lưới văn hóa thông tin được củng cố và phát triển đã cơ bản đáp ứng công tác tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu thông tin giải trí của nhân dân. Hiện toàn tỉnh có 154 điểm phục vụ bưu chính, số thuê bao internet đạt 28,2 máy/100 dân (năm 2011 là 18,85 máy/100 dân), 100% số xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc đã có bưu điện văn hoá xã và được phủ sóng phát thanh truyền hình. Phong trào “*toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” tiếp tục phát triển, đến nay tỷ lệ người tập luyện thường xuyên/tổng số dân trung bình đạt khảng 27,34%, tỷ lệ số trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất đạt 100%, thể thao thành tích cao đã đạt được nhiều thành tích hơn giai đoạn trước. Phong trào “*toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” được toàn xã hội quan tâm, 100% hộ gia đình đăng ký thực hiện gia đình văn hóa, 93,5% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa.

2.7. *Công tác dân tộc*: Chính sách dân tộc luôn được triển khai đúng, đầy đủ, kịp thời, phát huy hiệu quả các nguồn lực góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đoàn kết trong cộng đồng đồng bào dân tộc.

3. Lĩnh vực bảo vệ, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Đã chú trọng đến việc quy hoạch và triển khai các chương trình, dự án có tác động trực tiếp đến quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra môi trường, sử dụng đất đai, hoạt động khoáng sản luôn được các ngành, các cấp tăng cường thường xuyên. Các kết quả đạt được như: Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm 65,7% (so với kế hoạch đề ra là 60%); tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 55% (kế hoạch đề ra là 100%); thu gom chất thải rắn đô thị đạt 85% (kế hoạch đề ra là 95%); tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn ước đạt 95% (kế hoạch đề ra 95%).

4. Cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh; kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2012-2015; triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong cải cách tổ chức bộ máy hành chính đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Về công tác cải cách thủ tục hành chính: Đã thực hiện cơ chế một cửa điện tử ở các huyện, thị xã; ban hành quy chế một cửa, một cửa liên thông áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được các ngành, các cấp quan tâm.

5. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra ở các đơn vị được tăng cường kể cả các thanh tra chuyên ngành. Công tác tiếp công dân được các cấp, các ngành quan tâm, công tác tiếp nhận và xử lý đơn thư các loại đạt tỷ lệ khá cao, kịp thời, đúng thẩm quyền. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung xử lý, đạt 98% tổng số đơn thư phải giải quyết. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật phòng, chống tham nhũng được tiến hành thường xuyên, bằng nhiều hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân. Các vi phạm phát sinh được xem xét và xử lý kịp thời.

6. Quốc phòng, an ninh; công tác đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế

Phong trào củng cố, bảo vệ quốc phòng, an ninh được các ngành, các cấp chú trọng và nhân dân hưởng ứng. Công tác an ninh và ổn định trật tự xã hội trên tuyến biên giới và trong nội địa tiếp tục được giữ vững, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ngày càng được củng cố, phát triển, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, công tác đấu tranh các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được tăng cường.

Quan hệ đối ngoại giữa tỉnh với các nước bạn Lào, Campuchia và các nước có quan hệ kinh tế với tỉnh tiếp tục được duy trì, phát triển và mở rộng gắn kết với hoạt động hợp tác, xúc tiến đầu tư trên nhiều lĩnh vực. Đã hoàn thành tốt công tác phân giới, cắm mốc Việt Nam - Campuchia.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Giai đoạn 2011-2015, bằng sự cố gắng, nỗ lực trong chỉ đạo, điều hành và sự đồng thuận, nhất trí cao của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, nền kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những thành tựu đáng kể: Kinh tế tăng trưởng hợp lý và đạt tốc độ khá cao so với bình quân chung của cả nước, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; kim ngạch xuất khẩu đạt mục tiêu đề ra; vốn đầu tư toàn xã hội đã được huy động đúng mức; tỷ lệ hộ sử dụng điện, sử dụng nước sạch, tỷ lệ che phủ rừng chung của tỉnh đạt và vượt mục tiêu. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường... đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của nhân dân. Các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách dân tộc đạt được nhiều thành quả quan trọng. Đảm bảo tốt công tác quốc phòng, an ninh giữ vững ổn định, quan hệ quốc tế được mở rộng trên nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế nhất định như: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đã đề ra, chưa phát huy hết tiềm năng hiện có, tiềm lực kinh tế của tỉnh còn ở mức thấp, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao trong đó khu vực công nghiệp tuy có tăng trưởng nhưng còn thấp, từ đó làm cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, lạc hậu so với cơ cấu kinh tế của cả vùng Đông Nam bộ và cả nước (2) Thu ngân sách chưa đạt mục tiêu, cơ cấu thu ngân sách chưa hợp lý,

còn nặng về thu sử dụng đất, lệ thuộc vào giá cả (3) Xây dựng nông thôn mới trên các xã chỉ đạo điểm còn chậm, tiêu chí đạt được rất thấp so với quy định (4) Một số hạn chế còn tồn tại trong lĩnh vực văn hóa - xã hội chưa được giải quyết căn cơ, trật tự an toàn xã hội và an toàn giao thông còn diễn biến phức tạp.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

I. Bối cảnh, dự báo tình hình trong giai đoạn 2016 - 2020

Tình hình thế giới hiện nay và trong thời gian tới tiếp tục có những chuyển biến nhanh, phức tạp và khó lường. Kinh tế thế giới và khu vực dự báo tiếp tục phục hồi nhưng chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Cạnh tranh thương mại diễn ra gay gắt, an ninh tài chính, năng lượng, nguồn nước, lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Trong nước, qua 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Việt Nam đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế đất nước vẫn còn nhiều khó khăn thách thức: Kinh tế vĩ mô chưa ổn định vững chắc, nợ công, bội chi ngân sách còn lớn, việc tham gia các hiệp định quốc tế, nhất là TPP tuy mở ra nhiều thời cơ nhưng sẽ gặp nhiều thách thức....

Đối với tỉnh Bình Phước, bên cạnh những thành quả đã đạt được và những thuận lợi nội tại cơ bản trong giai đoạn trước, những điều kiện phát triển chung của thế giới và trong nước tiếp tục có tác động và ảnh hưởng đến tiến trình phát triển giai đoạn tiếp theo với nhiều khó khăn, thách thức; năng lực, trình độ, quy mô, công nghệ sản xuất của các ngành, lĩnh vực nhất là sản xuất công nghiệp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Biến đổi khí hậu tiếp tục có nhiều ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, giá cả các mặt hàng chủ lực của tỉnh sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tác động trực tiếp đến việc thực hiện một số cân đối lớn và đời sống của nhân dân. An ninh, trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bình Phước phải nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ, quyết liệt hơn trong thời gian tới.

II. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ, đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy tiềm năng, thế mạnh, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng để đưa Bình Phước phát triển nhanh, bền vững. Bảo đảm tốt an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Củng cố, đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2020

*** Về kinh tế:**

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP, giá so sánh 2010) bình quân thời kỳ 2016-2020 là 7,5%/năm (bình quân thời kỳ 2011- 2015 là 6,9%/năm).

(2) Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 61,1 triệu đồng (2.848 USD) (năm 2015, GRDP bình quân đầu người đạt 39,8 triệu đồng (2.097 USD) tính theo tỷ giá xây dựng kế hoạch).

(3) Cơ cấu kinh tế giá trị gia tăng (giá hiện hành) đến năm 2020 là: Nông - lâm - thủy sản: 32,4%; Công nghiệp - xây dựng: 30%; Thương mại - dịch vụ: 37,6%.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 là 100.000 tỷ đồng (giai đoạn 2011-2015 là 65.000 tỷ đồng).

(5) Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2020 đạt khoảng 4.850 tỷ đồng (năm 2015 là 3.570 tỷ đồng).

(6) Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt khoảng 02 tỷ USD (năm 2015 ước đạt 1,113 tỷ USD).

*** Về văn hóa, xã hội, môi trường:**

(1) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 là 50% trên tổng số xã.

(2) Tỷ lệ trường các cấp đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 khoảng 25% (năm 2015 là 20,5%).

(3) Số giường bệnh/vạn dân đến năm 2020 đạt 30,5 giường (năm 2015 là 25 giường bệnh/vạn dân).

(4) Số bác sỹ/vạn dân đến năm 2020 đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân (đến năm 2015 đạt 6,5 bác sỹ/vạn dân).

(5) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2020 còn khoảng 13,5% (năm 2015 còn 15,5%).

(6) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt 80% (năm 2015 là 72%).

(7) Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 còn dưới 1,0%.

(8) Lao động được giải quyết việc làm cả giai đoạn 2016-2020 là 150.000 người (bình quân hàng năm 30.000 người).

(9) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 là 60% (năm 2015 là 40%).

(10) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 khoảng 98%. Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch 50%.

(11) Tỷ lệ số hộ sử dụng điện đến năm 2020 khoảng 99% (năm 2015 là 98%).

(12) Tỷ lệ che phủ rừng chung (cả cây lâu năm) đến năm 2020 khoảng 74,8% (năm 2015 đạt 65,7%).

III. Nhiệm vụ và các giải pháp

(1) Quán triệt, triển khai xây dựng và nghiêm túc thực hiện các Chương trình hành động theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, các Nghị quyết

của Trung ương trong điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách của cả giai đoạn và hàng năm, đảm bảo thực hiện tốt các cân đối lớn của địa phương đã được đề ra.

(2) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, kết hợp phát triển mô hình tăng trưởng xanh, tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

(3) Thực hiện tốt các nhiệm vụ tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực, tập trung vào 3 lĩnh vực chủ yếu: Tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh 3 đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020.

Cụ thể trên từng ngành và lĩnh vực như sau:

1. Về phát triển kinh tế

(1) Về phát triển nông nghiệp: Triển khai xây dựng Chương trình phát triển nông lâm nghiệp theo Nghị quyết Đại hội X của tỉnh theo hướng tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Kết luận số 97-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X). Giữ vững tốc độ tăng trưởng toàn ngành, tăng cường thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng cao. Đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, ứng dụng rộng rãi những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao mức thu nhập trên một đơn vị diện tích. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, công nghiệp, đảm bảo an toàn dịch bệnh trên vật nuôi, tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện tốt các biện pháp nhằm giảm nhẹ thiên tai trong sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng hiện có. Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, gắn chặt với nâng cao đời sống và thu nhập của người dân.

(2) Về phát triển công nghiệp: Triển khai xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp - xây dựng theo Nghị quyết Đại hội X của tỉnh. Tập trung chỉ đạo phát triển các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách về thu hút, khuyến khích đầu tư phù hợp với những quy định mới. Gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ và theo yêu cầu của thị trường. Tăng cường hợp tác đầu tư, hợp tác quốc tế và đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư lĩnh vực công nghiệp. Có chính sách cụ thể để đưa khoa học và công nghệ, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong sản xuất công nghiệp. Đảm

bảo cung ứng đủ điện, nước, viễn thông cho sản xuất. Tập trung chỉ đạo triển khai dự án Becamex - Bình Phước, dự án khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Đồng Phú....

(3) Về phát triển thương mại, dịch vụ: Triển khai xây dựng Chương trình phát triển thương mại dịch vụ, Chương trình phát triển du lịch theo hướng đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa. Tạo điều kiện phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Chú trọng định hướng thị trường, củng cố thị trường xuất khẩu truyền thống và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu cả về lượng và chất các sản phẩm chủ lực của tỉnh, hạn chế tối đa nhập khẩu hàng tiêu dùng trong nước sản xuất được. Tiếp tục đầu tư các khu du lịch trọng điểm của tỉnh, trong đó chú trọng huy động vốn xã hội hóa. Tăng cường công tác quản lý giá cả, quản lý thị trường, chống buôn lậu.

(4) Về tài chính, tiền tệ: Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước với cơ cấu hợp lý và huy động tốt các khoản thu qua hệ thống thuế. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại trên địa bàn. Nâng cao hiệu quả vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho các đối tượng theo quy định để góp phần thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

(5) Về huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển: Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phát huy cao các nguồn nội lực đồng thời tạo mọi điều kiện để tranh thủ khai thác các yếu tố, nguồn vốn từ bên ngoài, khai thác hợp lý, tối ưu các nguồn vốn để phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích đầu tư theo hình thức hợp tác công tư.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) và Chương trình hành động về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Tập trung xây dựng Chương trình đô thị hóa theo hướng xây dựng thị xã Đồng Xoài ngang tầm các trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh, các thị xã Bình Long, Phước Long và đô thị Chơn Thành với vai trò là động lực kéo theo các vùng phụ cận phát triển, hình thành các khu dân cư đô thị gắn với các khu công nghiệp. Nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước. Tập trung, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực xây dựng nông thôn mới cho vùng đồng bào dân tộc, biên giới.

(6) Về phát triển các thành phần kinh tế: Triển khai thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư. Tạo môi trường, chính sách thuận lợi, thông thoáng kích thích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa để

phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu DNNN.

2. Về phát triển văn hóa, xã hội

a) Giáo dục - đào tạo: Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập” đến năm 2020. Củng cố và nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và quản lý. Tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện hiệu quả các đề án, giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển đào tạo nghề lao động nông thôn. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư trong giáo dục, đào tạo nghề.

b) Y tế: Củng cố và nâng cao hơn nữa hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, y tế cơ sở trong đó chú trọng công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh, đồng thời với việc tập trung đầu tư phát triển cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ y, bác sỹ. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế. Tiếp tục thực hiện các biện pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Tăng cường tuyên truyền, thanh tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh.

c) Khoa học và công nghệ: Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ. Tập trung đổi mới công tác nghiên cứu khoa học nhất là các nghiên cứu có tính ứng dụng cao, phát huy hiệu quả tốt.

d) Văn hóa, thể dục thể thao: Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về văn hóa, đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tăng cường thông tin chính thức kịp thời về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng “*Nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” trong các khu dân cư. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống dân tộc. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, mở rộng vùng phủ sóng phát thanh, truyền hình. Tập trung đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; nâng dần thể trạng, chất lượng dân số.

e) Giảm nghèo và các vấn đề an sinh xã hội: Tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách đã ban hành về an sinh xã hội và giảm nghèo nhất là chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất... Tăng cường tạo việc làm mới, giải quyết việc làm, dạy nghề cho lao động nông thôn và xuất khẩu lao động, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Phân đấu từng bước giảm dần khoảng cách về thu nhập và đời sống giữa vùng nông thôn và đô thị. Tập trung thực hiện các mục tiêu vì quyền trẻ em, phát triển toàn diện cho thanh thiếu niên, bình đẳng giới. Giải quyết tốt, hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc.

3. Về môi trường

Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự biến động khí hậu bất lợi đối với sản xuất và con người, ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, môi trường, sử dụng đất đai đúng mục đích, đúng pháp luật và nâng cao hiệu quả sử dụng. Đảm bảo thực hiện nghiêm ngặt các quy định đảm bảo vệ sinh môi trường nước, môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, dân cư tập trung... Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về gìn giữ, bảo vệ môi trường.

4. Về cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án cải cách hành chính, Đề án cải cách chế độ công vụ, công chức, Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020; tiếp tục thực hiện đề án một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và cải cách tư pháp. Phấn đấu nâng dần chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X), Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường các biện pháp đề phòng, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng. Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp.

5. Về đối ngoại, quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước. Giữ vững mối quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với nước bạn. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 27-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29/8/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng KTTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trăm